

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Huỳnh Phước

2/. Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim N**, địa chỉ thường trú: Số BB đường LHC, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Số SBB/T đường LHP, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, là Luật sư của Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình Tấn L**, địa chỉ: Số BB đường LHC, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018 (đã được thay đổi ngày 06/8/2018) và lời trình bày của bà Phạm Thị Kim N tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/8/2018 thì:

Bà N và ông Nguyễn Đình Tấn L chung sống với nhau từ năm 2002, đến ngày 26/3/2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014, quyển số 01. Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia K (nam, sinh ngày 08/10/2002) và cháu Nguyễn Phạm Ngọc N (nữ, sinh ngày 01/5/2007), nhưng không có tài sản chung và nợ chung.

Sau thời gian chung sống thì bà N và ông L phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, không cùng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau.

Bà Phạm Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đình Tấn L; về con chung thì bà N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phạm Gia K, ông L trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phạm Ngọc N; bà N không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, ông L không phải cấp dưỡng nuôi cháu K.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Phạm Thị Kim N đã nộp một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014, quyển số 01 của bà N và ông Nguyễn Đình Tấn L thể hiện ông L và bà N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng ngày 26/3/2014; Trích lục khai sinh và Giấy khai sinh thể hiện cháu Nguyễn Phạm Gia K, cháu Nguyễn Phạm Ngọc N là con chung của ông L, bà N.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Đình Tấn L tại biên bản ngày 08/8/2018 thì ông thống nhất với lời trình bày của bà N về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, con chung và nợ chung. Ông L cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn, nuôi con theo đơn khởi kiện của bà N, về tài sản chung thì ông L và bà N tự thỏa thuận.

- Theo kết quả xác minh ngày 08/8/2018 của Tòa án đối với ông Phạm Minh K thì nguyên nhân bà Phạm Thị Kim N và ông Nguyễn Đình Tấn L phát sinh tranh chấp là vợ chồng không cùng quan điểm sống nên đời sống chung không hạnh phúc.

- Theo ý kiến của cháu Nguyễn Phạm Gia K (nam, sinh ngày 08/10/2002) và cháu Nguyễn Phạm Ngọc N (nữ, sinh ngày 01/5/2007) thì cháu K có nguyện vọng được sống chung với bà N, cháu N có nguyện vọng được sống chung với ông L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Đình Tấn L thừa nhận các tình tiết, sự kiện do bà Phạm Thị Kim N trình bày về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, con chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Đình Tấn L và ông L hiện cư trú trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Phạm Thị Kim N, ông Nguyễn Đình Tấn L, bà Nguyễn Thị Thu T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà N, ông L, bà T.

[3] Cháu Nguyễn Phạm Gia K (nam, sinh ngày 08/10/2002) và cháu Nguyễn Phạm Ngọc N (nữ, sinh ngày 01/5/2007) được sinh ra trước ngày bà N, ông L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (ngày 26/3/2014). Căn cứ Trích lục khai sinh của hai cháu và thừa nhận của bà N, ông L, Hội đồng xét xử xác định cháu K, cháu N là con chung của bà N, ông L theo quy định tại đoạn 3 khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, kết quả xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4.1] Bà Phạm Thị Kim N, ông Nguyễn Đình Tấn L xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp với quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014, quyển số 01 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[4.2] Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh tranh chấp do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Đây là nguyên nhân làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông L theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.3] Về con chung, bà Phạm Thị Kim N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu

Nguyễn Phạm Gia K, ông Nguyễn Đình Tấn L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phạm Ngọc N. Do yêu cầu nuôi con của bà N, ông L phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con, bà N tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu K; ông L tự nguyện không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.5] Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N; ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Do bà N tự khai không có, còn ông L cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Do bà N, ông L tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim N và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, đoạn 3 khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim N:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Đình Tấn L.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Nguyễn Phạm Gia K (nam, sinh ngày 08/10/2002) cho bà Phạm Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình Tấn L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phạm Gia K.

Giao cháu Nguyễn Phạm Ngọc N (nữ, sinh ngày 01/5/2007) cho ông Nguyễn Đình Tấn L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Kim N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phạm Ngọc N.

Bà Phạm Thị Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Phạm Ngọc N; Ông Nguyễn Đình Tấn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Phạm Gia K theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Kim N tự khai không có, ông Nguyễn Đình Tấn L cho rằng tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Kim N, ông Nguyễn Đình Tấn L tự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001892 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Phạm Thị Kim N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Bà Phạm Thị Kim N, ông Nguyễn Đình Tấn L có quyền kháng cáo trong thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Cơ quan đã ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương